

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 23/2017/HSST
ngày 29/8/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Mùa A Vàng và ông Sa Văn Linh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Khuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Nhà Văn hóa xã T, huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 27/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/HSST-QĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Giàng A N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; Nơi sinh: Xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Nguyên làm nghề trồng trọt; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Giàng A G và bà Mùa Thị T. Vợ Sòng Thị C; Con: có 04con, con lớn nhất 18 tuổi, con nhỏ nhất 07 tuổi; Tiền sự: Ngày 13 tháng 8 năm 2016 bị UBND xã T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo quyết định số 50a/QĐ-UBND; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2017 đến nay. Có mặt.

2. Mùa A M; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 6 năm 1986; Nơi sinh: Xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Nguyên làm nghề trồng trọt; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 02/12; Con ông Mùa A S (đã chết) và bà Giàng Thị D; Vợ Phàng Thị S; Con: 04con, con lớn nhất 15 tuổi, con nhỏ nhất 04 tuổi; Tiền sự: Ngày 28 tháng 7 năm 2016 bị UBND xã T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo quyết định số 48b/QĐ-UBND; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2017 đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Sòng Thị C; Sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 10/4/2017, Giàng A N rủ Mùa A M đi mua ma túy về sử dụng. Mùa A M đã điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, biển kiểm soát 26E1-066.64 của Giàng A N chở N sang huyện M mua ma túy. Khi đi đến thị trấn N, huyện M, M và N gặp một người phụ nữ dân tộc Mông đang đi bộ trên Quốc lộ 6, N bảo M dừng xe lại rồi N đi bộ đến chỗ người phụ nữ dân tộc Mông và hỏi mua ma túy, người phụ nữ này đồng ý và bảo N đứng đợi. Lúc này N và M góp tiền mỗi người 300.000 đồng để mua ma túy. Khi người phụ nữ dân tộc Mông quay lại đưa cho N một gói chất bột màu trắng, N đưa cho người phụ nữ đó 600.000 đồng. Sau đó, N và M đi về nhà N ở bản T, xã T, huyện B. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày khi về đến nhà, N lấy gói Heroin vừa mua được ra tách lấy một ít để N và M sử dụng, số còn lại cất ở đầu giường ngủ nhà N. Sau khi sử dụng Heroin xong, N và M đi ngủ. Đến 5 giờ sáng ngày 11/4/2017, tổ công tác Công an huyện B cùng ban Công an xã T đến kiểm tra hành chính, lúc này M liền lấy gói ma túy cất ở đầu giường ngủ trong nhà N ném vào bếp lửa đang cháy. Tổ công tác yêu cầu M lấy gói ma túy ra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Mùa A M.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Mùa A M và khi khám xét khẩn cấp nhà ở của Giàng A N gồm: 01 (một) gói nilon màu trắng được gói kín, bên trong có chứa chất bột màu trắng; 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 26E1-066.64, số khung RLHJA 3638GY007813, số máy JA36A-0428248 và 01 (một) chiếc chìa khóa xe máy HONDA ký hiệu số P226.

Ngày 12/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành mở niêm phong cân tịnh số chất bột màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Mùa A M có tổng trọng lượng là 0,91gam, lấy 0,1gam ký hiệu M1 làm mẫu gửi giám định, vật chứng còn lại gồm 0,81gam được niêm phong, ký hiệu C1.

Ngày 13/4/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Bản kết luận giám định số: 427/KLMT, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu M1 là chất ma túy, loại chất Heroin. Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,1gam; Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ là 0,91gam, loại chất Heroin”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Giàng A N và Mùa A M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngày 10/4/2017, Giàng A N và Mùa A M đi sang huyện M gặp một người phụ nữ dân tộc Mông và mua được từ người này một gói ma túy với giá 600.000 đồng. Về đến nhà, N và M đã tách một ít ra sử dụng, số ma túy còn lại được cất ở đầu giường ngủ. Sáng ngày 11/4/2017, khi Tổ công tác Công an huyện B và ban Công an xã T đến yêu cầu kiểm tra chất ma túy trong nước tiểu với N thì bắt quả tang Mùa A M ném gói ma túy vào bếp lửa do đó đã lập biên bản và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại bản cáo trạng số 18/KSĐT-MT ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố các bị cáo Giàng A N và Mùa A M phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; Điều 53; điểm p, q, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Giàng A N mức án tù 24 - 30 tháng tù, xử phạt bị cáo Mùa A M mức án tù 18 - 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ

sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 0,81gam chất bột màu trắng, ký hiệu C1; Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 26E1-066.64.

Ý kiến của các bị cáo Giàng A N và Mùa A M tự bào chữa: Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức và am hiểu pháp luật hạn chế, điều kiện gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Sông Thị C: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị được xin lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, biển kiểm soát 26E1-066.64.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo Giàng A N và Mùa A M: Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 11/4/2017, Giàng A N và Mùa A M đã có hành vi cất giấu trái phép một gói ma túy có trọng lượng 0,91gam với động cơ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện, bắt quả tang. Kết quả giám định gói chất bột màu trắng thu giữ của các bị cáo: “là chất ma túy, loại chất Heroin”. Hành vi trên của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn huyện B. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của các bị cáo Giàng A N và Mùa A M đã phạm vào tội: “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình

phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo Giàng A N và Mùa A M cùng nhau góp tiền mua là 0,91gam Heroin về cất giấu và sử dụng trái phép, hành vi phạm tội của các bị cáo được quy định tại khoản 1, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm với vai trò đồng phạm, song thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn cùng tích cực thực hiện tội phạm. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Nhân thân năm 2016, hai bị cáo Giàng A N và Mùa A M đã bị UBND xã T áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời gian 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, từ bỏ ma túy mà còn tiếp tục phạm tội. Trong đó xét về vai trò phạm tội của các bị cáo thấy bị cáo Giàng A N có vai trò lớn hơn trong vụ án. Bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê bị cáo M cùng góp tiền mua ma túy về sử dụng. Vì vậy cần vận dụng điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 buộc bị cáo N phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo M còn khai báo giúp cơ quan điều tra điều tra phát hiện tội phạm (Khai báo ra hành vi phạm tội của bị cáo N). Nên cần vận dụng điểm p, q, khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xem xét cho các bị cáo Giàng A N và Mùa A M được hưởng tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội ban hành, thực hiện khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và mục 119 trong danh mục kèm theo Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy đây là một tình tiết có lợi cho người phạm tội, do đó cần cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy, cần lên một mức án tương xứng và cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm tại địa phương hiện nay.

Các bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo nguyên làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn, là hộ nghèo, hộ

cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đối với chất bột màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Mùa A M đã lấy 0,1gam gửi giám định, vật chứng còn lại gồm 0,81gam (đã niêm phong), ký hiệu C1, qua giám định xác định là ma túy, loại chất Heroin, là vật Nhà nước cấm lưu hành cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 26E1-066.64, số khung RLHJA 3638GY007813, số máy JA36A-0428248 và 01 (một) chiếc chìa khóa xe máy HONDA ký hiệu số P226 là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng bị cáo Giàng A N và chị Sông Thị C. Việc bị cáo N sử dụng chiếc xe làm công cụ, phương tiện phạm tội chị C không biết do vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý theo quy định.

Đối với nguồn gốc số ma túy bị cáo Giàng A N và bị cáo Mùa A M khai mua của một người phụ nữ dân tộc Mông gặp ở thị trấn N, huyện M, nhưng các bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không có cơ sở căn cứ để xử lý.

Về án phí, bị cáo Giàng A N thuộc diện hộ nghèo, theo giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 31/GCN-HN.HCNN ngày 09/5/2017 và bị cáo Mùa A M thuộc diện hộ cận nghèo, theo giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 32/GCN-HN.HCNN ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B cần xem xét miễn án phí cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Giàng A N và bị cáo Mùa A M phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 điều 194; Điều 53; điểm p, q, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999; điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Giàng A N 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 12/4/2017 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Mùa A M 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 11/4/2017 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,81gam chất bột màu trắng (đã niêm phong), ký hiệu C1; Trả lại cho chị Sông Thị C 01 (một)

chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 26E1-066.64, số khung RLHJA 3638GY007813, số máy JA36A-0428248 và 01 (một) chiếc chìa khóa xe máy HONDA ký hiệu số P226.

Về Án phí. Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho các bị cáo.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La.
- VKSND huyện B.
- CA huyện B.
- Trại giam.
- Chi cục THADS huyện B.
- Các bị cáo.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Thái Văn Tùng